

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm dầu nhớt, chất bôi trơn phục vụ công tác đại tu Tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026.

- Tên gói thầu: Cung cấp dầu nhớt, chất bôi trơn phục vụ công tác đại tu Tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026.

- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần;

- Nguồn vốn: Vốn sửa chữa lớn

- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về chủng loại: Theo bảng đặc tính, thông số kỹ thuật tại bảng bên dưới. Để đảm bảo tính tương thích nghiêm ngặt trong sử dụng dầu mỡ bôi trơn, Chủ đầu tư nêu rõ trong E-HSMT tên thương mại của loại dầu mỡ bôi trơn đang sử dụng tại các vị trí bôi trơn trong nhà máy để nhà thầu tham khảo. Nhà thầu có thể chào đúng loại tham khảo hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng của Chủ đầu tư và tương thích với thiết bị hiện hữu mà Chủ đầu tư đang sử dụng.

- Đối với nội dung về Kỹ thuật: Model/mã hiệu, nhà sản xuất, xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu phải điền đầy đủ, cụ thể trong Web-form của E-HSDT và không được ghi “tương đương”, trường hợp hàng hóa không có Model/mã hiệu thì nhà thầu ghi rõ “Không có model/mã hiệu”.

- Trường hợp hàng hóa tương đương được sử dụng để châm hoặc trộn lẫn với dầu mỡ nhớt đang sử dụng, nhà thầu cần ghi rõ là “hàng tương đương” và phải có văn bản cam kết của Hãng sản xuất về khả năng tương thích và trộn lẫn của loại dầu mỡ tương đương đang được sử dụng phù hợp hệ thống thiết bị hiện hữu của Chủ đầu tư.

***Ghi chú:** “Tương đương”: nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, thành phần, thành phần hoá học cấu thành tương tự, đảm bảo tính năng sử dụng tương đương với hàng hóa đã nêu.

- Trường hợp chào mặt hàng thay thế, ngoài những chứng từ trên, để đảm bảo việc châm bổ sung không làm ảnh hưởng đến thiết bị hiện hữu của Chủ đầu tư

tư, nhà thầu phải cung cấp trong E-HSMT các tài liệu sau:

- ✓ Bảng phân tích tính tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế;
- ✓ Bảng phân tích tính tương hợp giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng thay thế;
- ✓ Cam kết mặt hàng chào thay thế là tương đương hoặc tốt hơn so với mặt hàng yêu cầu;
- ✓ Cam kết việc sử dụng hàng hóa được chào trộn lẫn với hàng hóa yêu cầu (*hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng*) không gây hư hỏng các khớp nối, ron, cao su ... hiện hữu của thiết bị Chủ đầu tư;
- ✓ Văn bản của Nhà sản xuất thiết bị xác nhận có thể sử dụng hàng hóa được chào trộn lẫn với hàng hóa yêu cầu.

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng do Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả những hàng hóa nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong E-HSMT).

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Chất bôi trơn chạy rà (Running-in) fuchs lubritech ceplattyn GT RN	Kg	254
2	Chất bôi trơn khởi động (Primer) fuchs lubritech ceplattyn GT P (1 thùng/kg)	Kg	102
3	Dầu bánh răng Carter EP 150	Lít	8.736
4	Dầu bánh răng Carter EP 220	Lít	2.768
5	Dầu bánh răng Carter EP 320	Lít	1.480
6	Nhớt Total Carter EP 460	Lít	330
7	Dầu bánh răng Carter EP 680 (208 lít/phuy)	Lít	1.040
8	Dầu bôi trơn hòa trộn với bột mài (2,5 lít/bình). Model/xuất xứ: Kemet/UK (tham khảo)	Lít	2,5
9	Dầu bôi trơn Tuabin Preslia 32 (208L)	Lít	4.839
10	Dầu bôi trơn Tuabin Preslia 46	Lít	5.840
11	Nhớt Preslia 68	Lít	500
12	Dầu máy biến áp 25# Transformer oil (200L): - Model: KI25X (Hoặc tương đương) - NSX: Kunlun (Tham khảo)	Lít	1.015
13	Dầu NEOVAC MR-200	Lít	100
14	Dầu thủy lực AZolla ZS 46 (208L)	Lít	1.100

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng
15	Mỡ bò chịu nước Mobilith SHC 460 (Thùng 16kg)	Kg	16
16	Mỡ bôi trơn Multis EP 2	Kg	596
17	Mỡ chịu nhiệt Total Multis Complex EP 2. Nhiệt độ làm việc -20 ⁰ C đến 160 ⁰ C	Kg	71
18	Mỡ bôi trơn Total Multis EP1	Kg	35
19	Mỡ CASTROL RUSTILO DW 330	Lít	26
20	Nhớt bôi trơn động cơ diesel (SAE 15W-40)	Lít	72
21	Nhớt bôi trơn hộp số của bơm Woma Iso VG 320	Lít	10
22	Nhớt EH điều khiển Turbine Turbofluid 46SJ	kg	1.200
23	Nhớt Shell Morlina S4 B320 (20L/xô)	Lít	240
24	Nhớt Total Azolla ZS 32	Lít	120
25	Nhớt TRANSMIX GL-1 90 NSX: Mekong (Tham khảo)	Lít	140

Lưu ý: Chủ đầu tư mặc định hàng hóa trong gói thầu này có thuế suất GTGT tạm tính là 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu và hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà thầu chào thuế khác 10% thì Chủ đầu tư sẽ quy về cùng mặt bằng thuế tạm tính 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu. Thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn, thanh toán.

Nhà thầu phải soạn một bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu theo mẫu cung cấp bên dưới. Trong bản tuyên bố đáp ứng phải nêu rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT (bao gồm từng khoản mục, đặc tính kỹ thuật chi tiết quy định tại bảng trên). Nhà thầu chỉ được phép sử dụng các từ ngữ sau: “Đáp ứng”/”Không đáp ứng” để trả lời về tính đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. Tất cả các đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đều phải được giải thích cụ thể (tham chiếu rõ ràng đến từng dòng/từng trang trong tài liệu kỹ thuật).

Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của	Hồ sơ tham chiếu	Tính đáp ứng của hàng hóa
-------------	--------------	---	---	------------------	---------------------------

2

		hàng hóa trong E- HSMT	hàng hóa chào trong E-HSDT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Nội dung ở các cột (1), (2), (3) phải được lập tương ứng với nội dung của Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn

- Cách thức trình bày nội dung ở cột (5) như sau: “Tên tài liệu” – “Phần, chương, mục, bảng (nếu có)” – “trang” – “dòng”

- Nội dung ở cột (6) chỉ được ghi “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng và tính hợp lệ hàng hóa

- Chất lượng và tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hóa phải mới 100% và tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

- Hàng hóa phải được sản xuất tối thiểu từ năm 2024 trở về sau.

1.3.2. Yêu cầu về bảo hành

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu.

- Địa điểm bảo hành: Tại Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- Phương thức bảo hành: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nếu hàng hóa bị hư hỏng hay lỗi kỹ thuật thì nhà cung cấp sẽ phải chịu mọi phí tổn để đổi mới hoặc khắc phục những hư hỏng trên. Khi có yêu cầu về bảo hành, nhà thầu phải cử nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện hoàn thành bảo hành trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này, nhà thầu phải chịu và sẽ được lấy từ tiền bảo hành.

1.3.3. Yêu cầu về chứng từ kèm theo hàng hóa

Hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu **phải nêu rõ hàng hóa nhà thầu chào do nhà sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa (nêu 01 nước hoặc vùng lãnh thổ cụ thể) theo hướng**

dẫn tại Mục 15 Chương I E-HSMT, và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa sẽ được giao kèm theo hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp, như sau:

- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp hoặc xác nhận nếu là hàng nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản điện tử), trừ các mục 6, 8, 15, 17, 18, 20, 21, 24.

- Chứng chỉ chất lượng hoặc Chứng chỉ khác có giá trị tương đương do Nhà sản xuất/Công ty được nhà sản xuất ủy quyền cấp (Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản điện tử), trừ các mục 6, 8, 15, 17, 18, 20, 21, 24.

- Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu phải có số tờ khai đầy đủ và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm không thể hiện giá trị của hàng hóa (Bản sao y có chứng thực hoặc bản photo có đóng dấu nhà thầu), trừ các mục 6, 8, 15, 17, 18, 20, 21, 24.

- Cam kết của nhà thầu hàng hóa chính hãng, hợp pháp, đáp ứng theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất: Áp dụng đối với các mục 6, 8, 15, 17, 18, 20, 21, 24.

- Hóa đơn GTGT theo quy định.

1.3.4. Tiến độ thực hiện

- Thời gian giao hàng hóa: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.3.5. Địa điểm triển khai

- Địa điểm giao hàng (đã bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển): Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định tại mục E-ĐKC 21.1 Hợp đồng.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm đóng gói: Bao bì đóng gói, thông số kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Kèm theo đầy đủ các chứng từ hàng hóa hợp lệ theo quy định.